TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-PT
Ngày 28 - 3 - 2023
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản gắn liền với đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quản Hữu Chiến

Các thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long, ông Hoàng Văn Tuyền

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Anh Cương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc Tranh chấp kiện đòi tài sản. Do bản án sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Ông Giàng A A (Giàng A A1). Thường trú: Bản CM, xã ML, huyện SC, tỉnh Sơn La. Chỗ ở hiện nay: Bản TX, xã TX, huyện BY, tỉnh Sơn La. (Có mặt).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Giàng A A2, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Bản Nó Sài, xã SC, huyện SC, tỉnh Sơn La. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Giàng A A: Ông Đặng Văn X, bà Trần Thị Thanh Y - Luật sư Văn phòng luật sư CP, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 65b phố TĐT, phường QTG, quận Đ, Thành phố Hà Nội. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Mùa A B, bà Vàng Thị C. Địa chỉ: Bản TX, xã TX, huyện BY, tỉnh Sơn La. Bà Vàng Thị C ủy quyền cho ông Mùa A B làm đại diện. Ông Mùa A B có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Trần Thị Bích N - Luật sư Công ty Luật Hợp danh BM chi nhánh Lai Châu, thuộc Đoàn luật sư

tỉnh Lai Châu. Địa chỉ: Số 015, đường TT, tổ 22, phường ĐP, thành phố LC, tỉnh Lai Châu. (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Mùa A B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Giàng A A (Giàng A A1) trình bày như sau:

Gia đình ông A (A1) trước đây cư trú tại bản KC (Nay là bản TX), xã TX, huyện BY, có một mảnh đất trước đây do ông bà khai thác sử dụng từ năm 1965 và có giao lại cho gia đình ông A khai thác sử dụng. Đến năm 1992 chấp hành và thực hiện Chỉ thị 06 của Thủ tướng chính phủ về cấm trồng cây thuốc phiện, năm 1994 và 1995 gia đình ông A đã đi đầu chuyển đổi cây trồng từ trồng cây thuốc phiện sang trồng cây chè bằng hạt chè trên mảnh nương có diện tích khoảng 3.000m^2 tại khu vực Đỉnh G bản bản TX, xã TX, huyện BY, tỉnh Sơn La. Năm 1999 do họ hàng ông A đã chuyển sang sinh sống tại xã ML huyện SM (nay là huyện SC tỉnh Sơn La), gia đình ông A cũng chuyển sang sinh sống cùng họ hàng tại huyện SC. Trước khi đi ông A có giao cho anh em hàng xóm trông coi giúp toàn bộ đất nương chè và cây chè không bán cho ai, riêng số nương chè tại Đỉnh G ông A được trực tiếp giao cho ông Mùa A D (A) thời điểm đó là Trưởng bản KC (Nay là bản TX) trông coi giúp. Trong thời gian sinh sống ở huyện SC, ông A không biết gia đình ông Mùa A B đã khai thác canh tác sử dụng mảnh nương chè của gia đình ông A từ thời gian nào. Đến nay khi quay lại sinh sống tại bản TX, xã TX, huyện BY thì mảnh nương chè của ông A đã bị gia đình ông Mùa A B đang sử dụng mảnh nương chè của ông A. Nay ông A yêu cầu ông Mùa A B trả lại 1100 cây chè trên diện tích đất khoảng 1.600m^2 tại đỉnh G, bản TX, xã TX, huyện BY, tỉnh Sơn La cho ông Giàng A A (A1).

Bị đơn ông Mùa A B, bà Vàng Thị C trình bày:

Năm 1994 - 1995 gia đình ông Mùa A B được Nhà nước vận động chuyển đổi cây trồng và cấp phát giống chè bằng hạt để trồng canh tác phát triển kinh tế sản xuất, phủ đất trống, đồi trọc, gia đình ông B có xin một mảnh đất nương với ông Thào A E (đã chết) là Trưởng bản CT. Lúc đó ông Mùa A F là Bí thư xã TX, ông Giàng A G là Chủ tịch UBND xã TX thời điểm năm 1994 - 1995. Được sự cho phép, ông B bắt đầu canh tác mảnh đất nương và trồng chè bằng hạt trên mảnh đất nương đó, trước khi canh tác, sử dụng trồng cây chè trên mảnh nương không có cây chè, chỉ có cây cỏ dại mọc. Nay ông Giàng A A từ SM sang tranh chấp mảnh nương chè với ông B, ông B không nhất trí vì gia đình ông B đã khai thác, sử dụng và hưởng lợi từ việc trồng cây chè trên mảnh nương này hơn 20 năm, khi canh tác trồng cây chè, chăm sóc cây chè rất vất vả mới được thu hoạch như bây giờ.

Tại bản án số: 05/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Sơn La xét xử và quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 229 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 235,

236 và Điều 166 Bộ luật Dân sự. Điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Giàng A A (A1). Xác lập quyền sở hữu tài sản (Nương cây chè) thuộc quyền sở hữu của ông Giàng A A (A1). Buộc bị đơn vợ chồng ông Mùa A B và bà Vàng Thị C, trả lại nương cây chè có diện tích là 1.137m^2, cây chè có chiều cao trung bình là 1,1m, có độ tuổi khoảng 27 đến 28 năm tuổi (không đếm cây) cho ông Giàng A A (A1). *(Vị trí nương cây chè tại khu vực Đỉnh G bản CT, xã TX, huyện BY, tỉnh Sơn La, hiện trạng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu. Phía tây nam giáp đường tỉnh lộ 112, có chiều rộng 50,26m; phía tây bắc giáp với đất nương ông Mùa A H có chiều dài 21,33m; phía đông bắc giáp đất nương ông Mùa A B, có chiều dài rộng là 53,71m; phía đông nam giáp đất nương chè đang tranh chấp giữa ông Giàng A A (A1) và ông Mùa A I, có chiều dài 22,31m).(Có bản vẽ sơ dồ kèm theo).*

- Chấp nhận tự thỏa thuận tại phiên tòa. Nguyên đơn ông Giàng A A (A1) có trách nhiệm thanh toán tiền công chăm sóc nương cây chè cho bị đơn là vợ chông ông Mùa A B và bà Vàng Thị C số tiền 50 triệu đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/10/2022, bị đơn Mùa A B có đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thời gian thực hiện các thủ tục tố tụng - quá ngắn, không đảm bảo việc nghiên cứu tài liệu, hồ sơ của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, kiểm sát viên. Việc thu thập chứng cứ tại cấp sơ thẩm là chưa đầy đủ. Căn cứ các lời khai của người làm chứng thì bị đơn là người trồng chè, sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp từ những năm 1994 cho đến nay. Thực tế diện tích đất tranh chấp từ trước năm 2018 là đất lâm nghiệp. Nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh quyền sử dụng đất. Bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn không có sự ủy quyền trong việc thỏa thuận tại phiên tòa sơ thẩm với nguyên đơn. Quá trình xem xét thẩm định không thực hiện việc đếm số lượng cây. Quyết định của bản án sơ thẩm vượt quá yêu cầu khởi kiện. Giữ nguyên yêu cầu đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Việc thực hiện các thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm là đảm bảo quy định về trình tự, thủ tục, thời gian tố tụng. Đối với yêu cầu khởi kiện: Xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đều yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Quyết định của bản án sơ thẩm đúng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lời khai của bị đơn có sự mâu thuẫn về nguồn gốc

đất. Căn cứ các lời khai, lời chứng của người làm chứng, văn bản số 36/UBND ngày 23/02/2023 của UBND xã TX đều xác nhận nguồn gốc đất do gia đình ông A khai hoang, sử dụng ổn định hàng chục năm, thực hiện việc trồng chè trên đất. Mặc dù gia đình ông A chuyển đi nhưng ông A không hề từ bỏ quyền sở hữu tài sản. Việc chiếm hữu tài sản của bị đơn ông B chưa đủ thời hạn theo quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm xác định pháp luật quan hệ tranh chấp là chưa chính xác nhưng không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, có thể khắc phục. Đề nghị xác định lại quan hệ pháp luật là "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất". Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề nghị hỗ trợ cho bị đơn 50 triệu đồng và được ghi nhận trong bản án sơ thẩm, nếu bị đơn không đồng ý thì phần này có thể sửa, không ảnh hưởng đến tính hiệu lực của bản án sơ thẩm. Do đó đề nghị sửa bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật và số tiền hỗ trợ nếu không có sự thống nhất giữa nguyên đơn và bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã chấp hành và thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự: Hủy bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện BY xét xử lại theo thủ tục tố tụng chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Giàng A A khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn ông Mùa A B phải trả lại tài sản là 1100 gốc cây chè trên diện tích đất 1.600m^2 tại đỉnh G thuộc bản CT, xã TX, huyện BY, tỉnh Sơn La. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp kiện đòi tài sản gắn liền với đất" và xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Sơn La là có căn cứ, đúng quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét kháng cáo của bị đơn Mùa A B, hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

2.1. Đối với nội dung bị đơn vắng mặt vì lý do bất khả kháng và đã có đơn xin hoãn phiên tòa nhưng hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn xét xử vắng mặt bị đơn:

Quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm, tòa án nhân dân huyện BY đã thực hiện triệu tập hợp lệ các đương sự tới tham gia phiên tòa hai lần, trong đó lần thứ nhất ông Mùa A B vắng mặt không có lý do, lần thứ hai ông Mùa A B có đơn xin hoãn phiên tòa vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự thì: *"Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, đương sự hoặc người đại diện của họ ....phải có mặt, trừ trường hợp họ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; nếu vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì Tòa án có thể hoãn phiên tòa…"*. Như vậy, trong trường hợp này Tòa án có thể hoãn hoặc tiếp tục xét xử vụ án. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn ông Mùa A B là đúng theo quy định của pháp luật.

2.2. Đối với nội dung kháng cáo cho rằng thời gian thực hiện các thủ tục tố tụng quá ngắn, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Xét các thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm đều được thực hiện đúng trình tự, không vi phạm thời hạn tố tụng dân sự quy định nên không có căn cứ chấp nội dung kháng cáo trên.

2.3. Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Giàng A A xác định diện tích đất trồng chè (tài sản đang tranh chấp) - mảnh đất ở đỉnh G, xã TX là do ông bà, bố mẹ nguyên đơn khai hoang. Năm 1994 và 1995, gia đình ông A đã chuyển đổi cây trồng từ trồng cây thuốc phiện sang trồng cây chè bằng hạt. Đến năm 1999 thì gia đình nguyên đơn chuyển sang sinh sống tại huyện SC, gia đình ông nhờ ông Mùa A D (A) trông coi nương chè. Để chứng minh cho sự việc trên, nguyên đơn cung cấp các lời chứng của các ông Mùa A D (nguyên trưởng bản TX), ông Sồng A J (nguyên Phó chủ tịch xã LC), ông Mùa A K (nguyên trưởng bản CT), ông Sồng A L xác nhận sự việc nêu trên.

Bị đơn ông Mùa A B xác định diện tích đất trồng cây chè (tài sản đang tranh chấp) - mảnh đất ở đỉnh G, xã TX là do gia đình ông khai hoang năm 1994 - 1995, có xin ý kiến của ông Thào A E là Trưởng bản CT (Đã chết). Thời điểm đó, ông Mùa A F là Bí thư và ông Giàng A G là Chủ tịch UBND xã TX. Gia đình ông có lấy hạt giống cây chè từ huyện lên trồng quản lý, chăm sóc và thu hoạch chè ổn định, không ai tranh chấp; đến năm 2020 ông Giàng A A ở SC về tranh chấp. Để chứng minh cho sự việc trên, bị đơn cung cấp các lời chứng của các ông Mùa A M (nguyên bí thư đoàn xã TX), ông Mùa A Giàng (nguyên chủ tịch hội nông dân xã TX), ông Giàng A G (nguyên chủ tịch UBND xã TX), ông Mùa A N, ông Mùa A O, ông Sồng A P, ông Phàng A Q xác nhận sự việc nêu trên.

Quá trình cấp sơ thẩm lấy lời khai người làm chứng ông Sồng A R xác định ông B và ông A trồng chè giáp ranh nhau.

Như vậy, có căn cứ xác định: (1) Tại thời điểm năm 1994 -1995, nguyên đơn ông A, bị đơn ông B đều thực hiện việc trồng chè bằng hạt tại khu vực đỉnh G thuộc bản TX, xã TX; (2) Từ năm 2000 cho đến thời điểm xảy ra tranh chấp (Năm 2020) là 20 năm, thì tài sản (cây chè) đều do bị đơn ông Mùa A B, bà Sồng Thị Cở quản lý bảo vệ, chăm sóc làm tăng giá trị của tài sản và thu hoạch chè, không ai tranh chấp; (3) Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện BY xác định: *"trước năm 2018, vị trí thửa*

đất được quy hoạch là đất lâm nghiệp với chức năng là rừng phòng hộ và được giao cho bản CT".

Tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn, bị đơn đều không xác định được số lượng thực tế cây chè là bao nhiêu, diện tích cụ thể thế nào. Hồ sơ vụ án cũng không thu thập được các căn cứ thể hiện được ranh giới trồng chè của nguyên đơn hay bị đơn tại thời điểm năm 1994 -1995 như thế nào? Có khác biệt gì so với ranh giới hiện trạng đang tranh chấp hay không để từ đó xác định nguồn gốc tài sản - cây chè đang tranh chấp trên phần diện tích đất đang có tài sản tranh chấp là do nguyên đơn trồng hay do bị đơn trồng hay do cả hai bên cùng trồng.

Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nhưng không xác định số lượng cây chè là bao nhiêu (*để xem xét giải quyết yêu cầu của người khởi kiện)* có đúng như yêu cầu khởi kiện hay không. Không tiến hành định giá tài sản, xác định giá trị thực tế của tài sản để làm căn cứ giải quyết vụ án (trong trường hợp cần xác định phần tài sản của nguyên đơn, phần tài sản của bị đơn hoặc phần công trồng, công bảo vệ, chăm sóc..); Không xem xét xác định tài sản khác (Nhà, hàng rào dây thép…) trên đất.

Cấp sơ thẩm chỉ nhận định về các căn cứ xác lập quyền sở hữu để giải quyết vụ án là chưa đầy đủ, chính xác. Trong vụ án này, tài sản tranh chấp là cây chè - tài sản gắn liền với đất, giá trị tài sản tăng thêm theo thời gian, phụ thuộc vào quá trình chăm sóc, quản lý bảo vệ. Do đó, để đảm bảo giải quyết vụ án một cách toàn diện thì ngoài việc nhận định chứng minh về nguồn gốc tài sản, cần chứng minh về công sức gieo trồng chè, công sức quản lý bảo vệ và chăm sóc làm tăng giá trị tài sản; xem xét vận dụng tập quán canh tác, di cư tự do của dân tộc Mông tại địa phương và các quy định, chính sách của Nhà nước về đất đai để giải quyết vụ án, trong đó lưu ý đến các chính sách về đất đai đối với người trực tiếp sử dụng đất, có nhu cầu sử dụng đất thực tế, quá trình sử dụng đất ổn định, người trực tiếp cư trú… theo quy định của Luật Đất đai 2013 cũng như các văn bản hiện hành để giải quyết vụ án toàn diện, khách quan và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Mặt khác, ngày 25/7/2022 nguyên đơn ông Giàng A A có đơn khởi kiện với nội dung yêu cầu *"buộc bị đơn ông Mùa A B trả lại tài sản trên đất là 1100 gốc cây chè trên 1600m^2 đất tại đỉnh G.."* - Tòa án nhân dân huyện BY đã thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo thông báo thụ lý số 16/TB-TLVA ngày 03/8/2022. Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp tài sản gắn liền với đất. Như vậy, tranh chấp ở đây là tranh chấp về tài sản là "cây chè". Tại phần "Quyết định" của bản án sơ thẩm lại tuyên *"Xác lập quyền sở hữu tài sản (Nương cây chè) thuộc quyền sở hữu của ông Giàng A A (A1). Buộc bị đơn vợ chồng ông Mùa A B và bà Vàng Thị C, trả lại nương cây chè có diện tích là 1.137m^2 ..."*.

Do cây chè là tài sản đặc thù gắn liền với đất, khi xem xét về tài sản cần xem xét đến diện tích đất trồng chè. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện BY xác định *"trước năm 2018, vị*

trí thửa đất được quy hoạch là đất lâm nghiệp với chức năng là rừng phòng hộ và được giao cho bản CT. Từ năm 2018 đến nay theo Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt dự án Rà sát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2017-2025 và định hướng đến năm 2030 thì diện tích đất trên đã được điều chỉnh ra ngoài diện tích quy hoạch 03 loại rừng. Hiện phần diện tích đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Như vậy, phần diện tích trồng cây chè nêu trên hiện vẫn đang thuộc quyền quản lý của cơ quan chức năng quản lý về đất đai tại địa phương là Ủy ban nhân dân huyện BY, chưa giao cho bất cứ cá nhân, tổ chức nào quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp Văn bản số 36/UBND ngày 23/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã TX trả lời công văn xác minh của Văn phòng luật sư CP về nguồn gốc diện tích đất nương chè 1293m^2 tranh chấp. Tuy nhiên, nội dung văn bản số 36/UBND ngày 23/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã TX có sự mâu thuẫn với lời khai trình bày của nguyên đơn và bị đơn xác nhận diện tích đất trồng chè các đương sự canh tác tự do, không có sự kê khai, không được chính quyền xã, huyện cho phép sử dụng. Tháng 3/2022 (*sau thời điểm Ủy ban nhân xã TX tiến hành hòa giải không thành*), ông Giàng A A đã dùng lưới thép B40 rào toàn bộ diện tích đất nương và làm 01 (một) nhà tạm để ở.

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện BY vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không thu thập, lấy ý kiến của UBND huyện BY về việc từ năm 2018 *(thời điểm diện tích đất trên được điều chỉnh ra ngoài diện tích quy hoạch 03 loại rừng)* đến nay, diện tích đất trên đã giao cho cá nhân hoặc tổ chức nào quản lý, sử dụng? đã có quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch sử dụng đất thế nào?

Đối với diện tích đất trên, trong trường hợp được cơ quan chức năng quản lý về đất đai tại địa phương nhất trí để các cá nhân đang có tài sản trên đất tạm thời tiếp tục việc canh tác thì Tòa án cấp sơ thẩm mới được quyền tạm giao diện tích đất có tài sản gắn liền với đất cho đương sự.

Việc cấp sơ thẩm xác lập quyền sở hữu tài sản Nương cây chè (cây chè và đất trồng chè) cho nguyên đơn ông Giàng A A là không phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Đối với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận tự thỏa thuận tại phiên tòa về việc nguyên đơn thanh toán cho bị đơn số tiền 50.000.000 đồng công chăm sóc chè. Xét thấy: Ngày 30/9/2022, bị đơn ông Mùa A B, bà Vàng Thị C vắng mặt tại phiên tòa. Tại Bản án sơ thẩm ghi nhận nguyên đơn và luật sư Trần Thị Bích N thỏa thuận về việc nguyên đơn thanh toán cho bị đơn số tiền 50.000.000 đồng công chăm sóc chè. Tuy nhiên, đối chiếu với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì luật sư Trần Thị Bích N chỉ tham gia với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, không tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, không được bị đơn ủy quyền để thỏa thuận, quyết định các vấn đề liên quan hay phát sinh trong vụ án mà chỉ bảo vệ các quan điểm, ý kiến mà bị đơn đã đưa ra. Việc nguyên đơn và luật sư Trần Thị

Bích N thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án là xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận nội dung thỏa thuận trên trong bản án là trái quy định của pháp luật.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn Mùa A B, hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Sơn La để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo bị đơn Mùa A B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do bản án bị hủy.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Sơn La về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản gắn liền với đất".

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Sơn La để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Bị đơn ông Mùa A B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 28/3/2023).

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện BY;
- Chi cục THADS huyện BY;
- VKSND huyện BY;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quản Hữu Chiến